

Bản án số: 99/2019/HNGĐ - ST
Ngày 24 - 6 - 2019
V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con và
nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Khiết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Hữu Khánh

Ông Lê Quốc Thới

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm - Thư ký Tòa án

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 464/2018/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con và nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tú Nh – sinh năm 1986 (Có mặt)

Cư trú tại: k1, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: anh Nguyễn Stal Đ – sinh năm 1977 (Có mặt)

Cư trú tại: k1, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Ng - sinh năm 1943 (Có mặt)

2. Bà Tô Kim C - sinh năm 1951 (Có mặt)

Cư trú tại: k1, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

3. Anh Hồ Hoàng N - sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Cư trú tại: ấp KL, xã ĐT, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Trần Thị H - sinh năm 1963 (Có mặt)

Cư trú tại: k1, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

5. Bà Tô Thị Y - sinh năm 1955 (Vắng mặt)

Cư trú tại: số 162, đường BTT, k6, p 5, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về Hôn nhân: Chị Nh và anh Nguyễn Stal Đ kết hôn vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 01 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2014 cho đến nay. Gia đình hai bên đã tổ chức hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nên Chị Nh yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

anh Đ thống nhất lời trình bày của chị Nguyễn Thị Tú Nh về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, anh đồng ý ly hôn với Chị Nh.

Về con chung: Chị Nh xác định trong quá trình sống chung chị và anh Stal Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 15/8/2008 và Nguyễn Tiến Ph sinh ngày 16/8/2011. Hiện nay hai con đang sống với chị. Sau khi ly hôn Chị Nh yêu cầu Tòa án lấy ý kiến về nguyện vọng của hai cháu, nếu hai cháu có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu người còn lại cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. anh Đ thống nhất theo yêu cầu của Chị Nh về vấn đề con chung. Nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nếu Chị Nh không nuôi thì giao lại cho anh nuôi, anh không yêu cầu Chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng: Theo Chị Nh xác định khi cưới, cha mẹ chị có cho riêng chị 10 cây vàng 24K và 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Hiện nay số vàng và tiền này do anh Đ đang quản lý. Khi ly hôn Chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đ phải trả cho chị 10 cây vàng 24K và 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Tại biên bản làm việc ngày 06 tháng 11 năm 2018 Chị Nh xin rút lại yêu cầu buộc anh Đ phải trả lại cho chị vì anh Đ cho rằng anh không quản lý số tài sản trên và chị cũng không có chứng cứ chứng minh việc anh Đ có giữ tài sản của chị. anh Đ thống nhất việc Chị Nh rút lại yêu cầu buộc anh phải trả cho Chị Nh 10 cây vàng 24K và 100.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Tú Nh và anh Nguyễn Stal Đ đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nh trình bày quá trình làm dâu bên chồng chị có ký nhận nợ vay của bà Trần Thị H số tiền là 150.000.000 đồng, nhưng chị ký vay tiền là theo yêu cầu của anh Đ và chị cũng đi lấy tiền về phục vụ cho việc kinh doanh vật liệu xây dựng cho bên chồng, việc kinh doanh do cha chồng tên Nguyễn Văn Ng đứng tên trong giấy chứng nhận kinh doanh. Ngoài ra vợ chồng không còn khoản nợ nào khác. Nay vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu anh Đ phải trả nợ cho bà Trần Thị H, vì chị đi vay tiền để phục vụ cho việc kinh doanh của gia đình bên chồng chứ không phải sử dụng cho mục đích cá nhân chị. Hơn nữa chị đi vay tiền là theo yêu cầu của anh Đ, việc vay tiền thì cả hai vợ chồng

cùng đi vay và cha, mẹ chồng cũng biết.

Anh Nguyễn Stal Đ không thống nhất lời trình bày của Chị Nh về nợ chung, anh Đ xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có nợ những khoản sau đây:

+ Vợ chồng có vay của bà Trần Thị H, sinh năm 1963 ở khóm 1, thị trấn Cái Nước số tiền 654.000.000 đồng. Vay từ năm 2012 chia thành nhiều đợt. Khi vay hay vợ chồng cùng đứng ra vay, Chị Nh trực tiếp đóng lãi. Vợ chồng đã trả tổng cộng 504.000.000 đồng, còn nợ 150.000.000 đồng. Số nợ này hiện vợ chồng vẫn chưa trả cho bà Hiền.

+ Vợ chồng có vay của bà Tô Thị Y, sinh năm 1955, ở số 162, đường Bùi Thị Trường, khóm 6 phường 5, thành phố Cà Mau số tiền 880.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K. Vay từ năm 2013 chia thành nhiều đợt. Khi vay hai vợ chồng cùng đứng ra vay, Chị Nh trực tiếp đóng lãi. Số nợ này hiện vợ chồng vẫn chưa trả cho bà Yêm.

+ Nợ ông Hồ Hoàng N là chủ Đại lý thức ăn Trang Nhã địa chỉ tại khóm 3, thị trấn Cái Nước số tiền 801.425.500 đồng (Tám trăm lẻ một triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm đồng). Đây là số tiền mua thức ăn và thuốc để nuôi tôm công nghiệp do hai vợ chồng còn thiếu của ông Nhã. Số nợ này hiện vợ chồng vẫn chưa trả cho ông Nhã.

Tổng cộng vợ chồng còn nợ của các chủ nợ số tiền 1.831.425.500 đồng (Một tỉ tám trăm ba mươi một triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm đồng) và 10 chỉ vàng 24K. Nay anh yêu cầu Tòa án buộc Chị Nh cùng trả nợ cho các chủ nợ, mỗi người có trách nhiệm trả một nửa số nợ trên.

Chị Nguyễn Thị Tú Nh xác định không biết việc vay mượn số tiền và vàng trên của bà Yêm và anh Nhã, do việc kinh doanh trong gia đình bên chồng, chị không tham gia nên không biết cũng không trực tiếp mua bán, vay mượn số tiền và vàng trên. Do đó trước yêu cầu của anh Đ về việc cùng trả nợ cho các chủ nợ thì chị không đồng ý.

Bà Trần Thị H trình bày: Nguyên trước đây Chị Nh và anh Đ ở gần nhà bà, nên bà có cho Chị Nh và anh Đ vay tiền rất nhiều lần, có làm biên nhận nợ do Chị Nh ký, nhưng đến 2015 thì Chị Nh chuyển nhà đi về Năm Căn sinh sống. Nên bà với Chị Nh và anh Đ có kết nợ lại là 02 vợ chồng còn nợ lại bà số tiền là 150.000.000 đồng. Sau khi kết nợ thì từ năm 2015 đến nay thì Chị Nh và anh Đ không đóng lãi và trả vốn cho bà. Nay Chị Nh và anh Đ ly hôn thì bà yêu cầu Chị Nh và anh Đ có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà số tiền 150.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Bà Tô Thị Y trình bày: Vào năm 2013 do Chị Nh và anh Đ còn sống chung nên bà có cho Chị Nh và anh Đ vay nợ rất nhiều, bà cho Chị Nh và anh Đ vay với lãi suất bằng lãi suất ngân hàng do bà là dì ruột của anh Đ, mục đích là muốn giúp cho cháu làm ăn nên bà cho vay lãi rất thấp nhằm tạo điều kiện cho

Nhiên và Đa phát triển, đến năm 2016 thì bà mới kết nợ lại thì Chị Nh và anh Đ còn nợ lại bà tổng số tiền là 880.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k, việc bà cho vay bà chỉ đưa cho hai cháu bà không có làm biên nhận nợ. Nay Chị Nh và anh Đ ly hôn thì bà yêu cầu Chị Nh và anh Đ có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà số tiền 880.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k, bà không yêu cầu tính lãi.

Anh Hồ Hoàng N trình bày: Trước đây vào năm 2017 anh là Đại lý thức ăn thủy sản Trang Nhã, anh và anh Đ có thỏa thuận với nhau việc mua bán thức ăn thủy sản cho anh Đ, chỉ thỏa thuận miệng không ký hợp đồng. Khi anh giao thức ăn cho anh Đ thì anh Đ có ký sổ lại cho anh, đến tháng 8 năm 2018 thì anh và anh Đ kết nợ lại với nhau là anh Đ còn nợ lại anh số tiền 801.425.500 đồng. Nay Chị Nh và anh Đ ly hôn thì anh yêu cầu Chị Nh và anh Đ có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho anh số tiền là 801.425.500 đồng.

Ông Nguyễn Văn Ng trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của con dâu ông về việc ông đứng tên giấy phép kinh doanh vật liệu xây dựng, nhưng việc kinh doanh là ông đã giao lại cho Chị Nh và anh Đ tự kinh doanh, làm ăn riêng. Việc nợ bà Hiền 150.000.000 đồng thì Chị Nh và anh Đ có mời ông ra và thông báo có nợ bà Hiền và Chị Nh có hứa sẽ làm từ từ trả nợ cho bà Hiền. Nay bà Hiền yêu cầu cả hai trả nợ ông không đồng ý, ông xác định Chị Nh phải trả toàn bộ số nợ này vì Chị Nh tự ý vay và ký nhận nợ, mục đích vay làm gì ông không biết. Sau đó Chị Nh và anh Đ về Năm Căn sinh sống và nuôi tôm, bỏ lại cửa hàng cho ông quản lý, nhưng hàng hóa cũng không còn lại bao nhiêu. Ông khẳng định Chị Nh và anh Đ không có sống ly thân với nhau.

Bà Tô Kim C thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Văn Ng, bà không có ý kiến gì thêm.

Bà Trần Thị Thanh Yên xác định và trình bày ý kiến: Đối với chiếc xe mô tô yamaha hiệu Nouvo bà có cho chung vợ chồng Nguyễn Thị Tú Nh và Nguyễn Stal Đ nên bà không có ý kiến gì đối với chiếc xe này, bà xác định đây là tài sản chung của Chị Nh và anh Đ nên quyền quyết định là của vợ chồng Chị Nh và anh Đ. Bà từ chối tham gia tố tụng với lý do bà không có liên quan. Do đó Tòa án tách ra và không triệu tập bà Yên tham gia tố tụng tại phiên tòa với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Tú Nh và anh Nguyễn Stal Đ là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, nuôi con và nợ chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Nguyễn Stal Đ có địa chỉ tại k1, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là

đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tú Nh và anh Nguyễn Stal Đ kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào ngày 30 tháng 01 năm 2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì chị Nguyễn Thị Tú Nh có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của Chị Nh đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại biên bản hòa giải ngày 18 tháng 10 năm 2018 Chị Nh và anh Nguyễn Stal Đ đã thuận tình ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tú Nh và anh Nguyễn Stal Đ.

Tuy nhiên về phần nợ chung giữa Chị Nh và anh Đ không thỏa thuận được. Do đó vụ án hòa giải không thành. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Về con chung: Chị Nh và anh Đ xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 15/8/2008 và Nguyễn Tiến Ph sinh ngày 16/8/2011. Hiện nay hai cháu đang sống Chị Nh. Sau khi ly hôn anh Đ và Chị Nh yêu cầu Tòa án lấy ý kiến về nguyện vọng của hai cháu, nếu hai cháu có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nh yêu cầu người còn lại cấp dưỡng nuôi con, anh Đ không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, anh yêu cầu nếu Chị Nh không nuôi con thì giao lại cho anh nuôi, anh không yêu cầu Chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 10 năm 2018 thì các cháu Ngân và Phát đều có nguyện vọng được sống với mẹ, nguyện vọng của các cháu Kim Ngân và Tiến Phát phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận, tiếp tục giao các cháu Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 15/8/2008 và cháu Nguyễn Tiến Ph sinh ngày 16/8/2011 cho chị Nguyễn Thị Tú Nh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của Chị Nh. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Chị Nh về việc buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là phù hợp nên chấp nhận. Buộc anh Nguyễn Stal Đ phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Ngân và cháu Phát mỗi tháng 800.000 đồng/cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 24 tháng 6 năm 2019.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà

không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Nh và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này Chị Nh và anh Đ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì Chị Nh và anh Đ đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử xét thấy trong các khoản nợ chung của vợ chồng do Chị Nh và anh Đ khai nhận thì Chị Nh chỉ thừa nhận khoản nợ của bà Hiền, nhưng chị không thống nhất trả nợ theo yêu cầu của bà Hiền với lý do chị mượn nợ theo yêu cầu của anh Đ và mượn về phục vụ cho việc kinh doanh vật liệu xây dựng cho gia đình bên chồng. Chị không vay tiền để chi xài cá nhân, còn lại các khoản nợ của anh Hồ Hoàng N và bà Tô Thị Y Chị Nh xác định chị không biết và cũng không có trực tiếp vay nên không đồng ý trả nợ cho bà Yêm và anh Nhã theo yêu cầu của anh Đ. Vấn đề này Hội đồng xét xử xét thấy bà Tô Thị Y cùng với anh Hồ Hoàng N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại vụ án này và đều có yêu cầu độc lập về việc buộc vợ chồng Chị Nh và anh Đ trả nợ. Tòa án đã thông báo cho bà Yêm và anh Nhã về việc nộp tiền tạm ứng án phí vào ngày 04 tháng 12 năm 2018 để giải quyết yêu cầu của bà Yêm và anh Nhã trong vụ án này. Tuy nhiên hết thời gian quy định bà Yêm và anh Nhã không thực hiện việc nộp tạm ứng án phí. Do đó yêu cầu của bà Yêm và anh Nhã không đủ điều kiện thụ lý và giải quyết tại vụ án này. Nên Hội đồng xét xử tách ra không giải quyết yêu cầu của bà Tô Thị Y và anh Hồ Hoàng N trong cùng vụ án này. Nếu sau này các đương sự không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

Đối với số nợ của bà Trần Thị H. Tại hồ sơ thể hiện và tại phiên tòa anh Đ và Chị Nh đều thừa nhận khoản nợ do bà Hiền trình bày. Tuy nhiên cả anh Đ và Chị Nh đều không thống nhất liên đới trả cho bà Hiền. anh Đ và ông Ngàn cho rằng Chị Nh tự đi vay và có ký vào biên nhận nợ thì Chị Nh phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Hiền. Vấn đề này Hội đồng xét xử xét thấy thời gian Chị Nh vay tiền của bà Hiền là khoản thời gian vợ chồng Chị Nh và anh Đ còn sống chung và việc vay tiền của các bên được bà Hiền xác định tại phiên tòa là có cả vợ chồng Chị Nh và anh Đ cùng vay tiền. Đồng thời bà xác định số nợ này là nợ chung của vợ chồng Chị Nh và anh Đ. Hơn nữa sau khi Chị Nh và anh Đ về Năm Căn sinh sống thì các bên đều có gặp gỡ và thông báo về việc vợ chồng Chị Nh và anh Đ có nợ bà Hiền số tiền là 150.000.000 đồng cho vợ chồng ông Ngàn biết và cũng chính ông Ngàn và bà Chia đều xác định ông, bà đã giao cửa hàng cho vợ chồng anh Đ và Chị Nh làm ăn riêng, ông bà không có liên quan đến số nợ của bà Hiền. Từ đó cho thấy trách nhiệm trả nợ cho bà Hiền là trách nhiệm chung của Chị Nh và anh Đ. Từ những cơ sở như đã phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Hiền đối với Chị Nh và anh Đ là có cơ sở chấp nhận. Buộc chị Nguyễn Thị Tú Nh và anh Nguyễn Satl Đa phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Hiền. Cụ thể mỗi người phải trả cho bà Trần Thị H số tiền là 75.000.000 đồng.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí trả nợ cho bà Trần Thị H, chị Nguyễn Thị Tú Nh và anh Nguyễn Stal Đ phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí. Bà Hiền được nhận lại 3.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004968 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Các điều 9, 51, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tú Nh và anh Nguyễn Stal Đ.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 15/8/2008 và cháu Nguyễn Tiến Ph sinh ngày 16/8/2011 cho chị Nguyễn Thị Tú Nh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Buộc anh Nguyễn Stal Đ cấp dưỡng nuôi con đối với các cháu Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 15/8/2008 và Nguyễn Tiến Ph sinh ngày 16/8/2011 mỗi cháu 800.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 24 tháng 6 năm 2019.

Đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày Chị Nh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ không thi hành xong thì anh Đ còn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về nợ chung: Buộc chị Nguyễn Thị Tú Nh và anh Nguyễn Stal Đ phải trả cho bà Trần Thị H số tiền 150.000.000 đồng. Cụ thể mỗi người phải trả cho bà Hiền số tiền là 75.000.000 đồng.

Đối với số tiền nêu trên, kể từ ngày bà Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ và Chị Nh không thi hành xong thì anh Đ và Chị Nh còn

phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tú Nh và anh Nguyễn Stal Đ mỗi người phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị Nguyễn Thị Tú Nh và anh Nguyễn Satl Đa mỗi người phải chịu 3.750.000 đồng.

Đổi trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do chị Nguyễn Thị Tú Nh đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005207 ngày 11 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Chị Nguyễn Thị Tú Nh còn phải nộp tiếp 3.525.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con. Buộc anh Nguyễn Stal Đ phải nộp 300.000 đồng. Tổng cộng Anh Nguyễn Stal Đ phải nộp 4.125.000 đồng án phí. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Tô Thị Y, anh Hồ Hoàng N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Khiết